

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CỪ
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian học khóa 2020 và CNTN2021: từ ngày 09/10/2023 đến ngày 17/12/2023

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỜNG NHÓM GVHDTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GV HDTH N7	Ghi chú
1	20KDL1	20KDL1	CSC14120	Lập trình song song	Phạm Trọng Nghĩa	30	18	1	TQHuy							
2	CNTN2020	20TN	CSC10107	Thực tập thực tế	Phạm Thị Bạch Huệ, Trần Minh Triết	60	45	3	PTBHuệ	NHĐăng	HVThám					
3	CNTN2020	20TN	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	Lâm Quang Vũ	30	15	1	HTThanh							
4	CNTN2020	20TN	CSC13007	Phát triển game	Trần Minh Triết	30	36	2	TNĐThành	HVThám						
5	CNTN2021	21TN	CSC10007	Hệ điều hành	Trần Trung Dũng	30	47	3	TTDũng	NTQuân	LGThanh					
6	CNTN2021	21TN	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán	Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Hải Đăng	30	36	2	ĐTLễ	NQThức						
7	CNTN2021	21TN	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Đinh Bá Tiến	30	49	3	HTThanh	NNĐKhoa	TPLộc					
8	CNTN2021	21TN	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Trần Minh Triết	30	34	2	ĐTLễ	HVThám						
9	CNTN2021	21TN	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	49	3	NNĐức	NDKhánh	NBLong					
10	CNTN2021	21TN	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	Nguyễn Đình Thúc	30	12	1	NVQHuy							
11	CNTN2021	21TN	CSC16001	Đồ họa máy tính	Trần Thái Sơn	30	12	1	VHViệt							
12	CQ2020/1	20_1	CSC12005	Phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại	Phạm Minh Tú	30	55	3	PMTú	PMTú	PMTú					
13	CQ2020/1	20_1	CSC12107	Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh	Hồ Thị Hoàng Vy	30	79	4	HTHVy	HTHVy	TGHồng	TGHồng				
14	CQ2020/1	20_1	CSC12110	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Vũ Thị Mỹ Hằng	30	34	2	HTHVy	HTHVy						
15	CQ2020/1	20_1	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến	Nguyễn Trần Minh Thư	30	40	2	PMTú	PMTú						
16	CQ2020/21	20_21	CSC14112	Sinh trắc học	Lê Hoàng Thái	30	40	2	LHThái	LTPhong						
17	CQ2020/21	20_21	CSC14114	Ứng dụng dữ liệu lớn	Nguyễn Ngọc Thảo	30	58	3	NNThảo	BĐĐăng	BĐĐăng					
18	CQ2020/21	20_21	CSC14117	Nhập môn lập trình kết nối vạn vật	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	30	20	1	ĐTTHà							
19	CQ2020/21	20_21	CSC14120	Lập trình song song	Phạm Trọng Nghĩa	30	85	5	PTNghĩa	LNNam	LNNam	LNNTrưởng	LNNTrưởng			
20	CQ2020/21	20_21	CSC17102	Học sâu cho khoa học dữ liệu	Nguyễn Tiến Huy	30	36	2	NTĐMinh	LTTùng						
21	CQ2020/21	20_21	CSC17103	Khai thác dữ liệu đồ thị	Lê Ngọc Thành	30	22	1	LNNam							
22	CQ2020/21	20_21	CSC17107	Ứng dụng phân tích dữ liệu thông minh	Nguyễn Tiến Huy	30	38	2	NTĐMinh	LTTùng						
23	CQ2020/22	20_22	CSC15001	An ninh máy tính	Huỳnh Nguyên Chính	30	58	3	NDHy	NVQHuy	NVQHuy					
24	CQ2020/22	20_22	CSC15010	Blockchain và ứng dụng	Nguyễn Đình Thúc	30	56	3	NDHy	NDHy	Trần Hà Sơn					
25	CQ2020/22	20_22	CSC15011	Nhập môn ngôn ngữ học thống kê và ứng dụng	Lê Thanh Tùng	30	19	1	NTĐMinh							1 SV CĐ
26	CQ2020/22	20_22	CSC15102	Phân tích mạng xã hội	Văn Chí Nam	30	27	2	PTPUyên	PTPUyên						
27	CQ2020/22	20_22	CSC15104	An toàn và phục hồi dữ liệu	Thái Hùng Văn	30	50	3	THVăn	THVăn	THVăn					

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVVHDT	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDT	GV HDT N1	GV HDT N2	GV HDT N3	GV HDT N4	GV HDT N5	GV HDT N6	GV HDT N7	Ghi chú
28	CQ2020/23	20_23	CSC16002	Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác	Lý Quốc Ngọc	30	32	2	LQNgọc	PTTùng						
29	CQ2020/23	20_23	CSC16102	Kỹ thuật lập trình xử lý ảnh số và video số	Nguyễn Trọng Việt	30	8	1	NTViệt							
30	CQ2020/23	20_23	CSC16106	Nhập môn lập trình điều khiển thiết bị thông minh	Nguyễn Đức Hoàng Hạ	30	26	1	ĐTTHà							
31	CQ2020/23	20_23	CSC16107	Ứng dụng thị giác máy tính	Võ Hoài Việt	30	18	1	PMHoàng							
32	CQ2020/3	20_3	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	Trần Duy Hoàng	30	97	5	TDHoàng	TDHoàng	TPLộc	TPLộc	TPLộc			
33	CQ2020/3	20_3	CSC13006	Quản lý dự án phần mềm	Ngô Huy Biên	30	17	1	NHBiên							
34	CQ2020/3	20_3	CSC13007	Phát triển game	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	62	3	NLHDũng	TDQuang	TDQuang					
35	CQ2020/3	20_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm	Trần Minh Triết, Lê Khánh Duy	30	106	6	TVQuý	MATuấn	NDHuy	TMKhiêm	HVThám	NHTLong		
36	CQ2020/3	20_3	CSC13107	Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng	Nguyễn Minh Huy	30	39	2	TDQuang	TDQuang						
37	CQ2020/3	20_3	CSC13108	Mô hình hóa phần mềm	Bùi Tấn Lộc	30	22	1	HTThanh							
38	CQ2020/3	20_3	CSC13112	Thiết kế giao diện	Nguyễn Văn Vũ	30	51	3	HTThanh	PNSTùng	PNSTùng					
39	CQ2020/3	20_3	CSC13114	Phát triển ứng dụng web nâng cao	Nguyễn Huy Khánh	30	86	5	PHHải	PHHải	PHHải	ĐNKha	ĐNKha			
40	CQ2020/3	20_3	CSC13118	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động nâng cao	Phạm Hoàng Hải	30	67	4	TPLộc	TPLộc	TPLộc					
41	CQ2020/4	20_4	CSC11003	Lập trình mạng	Nguyễn Thanh Quân	30	25	1	NTQuân							
42	CQ2020/4	20_4	CSC11112	Chuyên đề Hệ thống phân tán	Trần Trung Dũng	30	14	1	HTBTrần							
43	CQ2020/5	20_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp	Cao Xuân Nam	30	131	7	ĐTTHà	HTTú	PNÁnh	LTThảo	HHMy	ĐHTương	CXNam	
44	CQ2020/1	20_1	CSC12106	Tương tác người – máy		30	2	1								Hủy
45	CQ2020/21	20_21	CSC14109	Logic mờ và ứng dụng		30	6	1								Hủy
46	CQ2020/22	20_22	CSC15009	Xử lý tín hiệu số		30	2	1								Hủy
47	CQ2020/22	20_22	CSC15106	Seminar Công nghệ tri thức		30	4	1								Hủy
48	CQ2020/23	20_23	CSC16104	Thị giác Rô-bốt		30	5	1								Hủy
49	CQ2020/3	20_3	CSC13103	Công nghệ Java cho hệ thống phân tán		30	2	1								Hủy
50	CQ2020/4	20_4	CSC11005	Thực tập Mạng máy tính		30	1	1								Hủy

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.
Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	Số GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
1	CNTN2022	22TNT1TN1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Thanh Phương	30	N1	T2	6-7.5	LT-PMD203	37	1	BHThông	
2	CNTN2022	22TNTTN1	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T2	3.5-5	LT-PMD204	38	1	NCDăng	
3	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Trần Thái Sơn	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMC201	21	1	PMHoàng	
4	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Trần Thái Sơn	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMC201	21	1	PMHoàng	
5	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC10001	Nhập môn lập trình	Nguyễn Minh Huy	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMC202	21	1	TTThịnh	
6	CNTN2023	23TNT1TN1	CSC10001	Nhập môn lập trình	Nguyễn Minh Huy	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMC202	21	1	TTThịnh	
7	CQ2021/5	21_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng		30	N1	T3	1-2.5	LT-PMD204	11	1		Hủy
8	CQ2021/5	21_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Văn Kiệt	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMD204	33	1	TDQuang	
9	CQ2021/5	21_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Lương Hán Cơ	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMD203	40	1	LHCơ	1SV CĐ
10	CQ2021/5	21_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu		30	N2	T5	8.5-10	LT-PMD203	11	1		Hủy
11	CQ2022/2	22CTT2A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N1	T4	3.5-5	LT-PMD203	28	1	NTDMinh	
12	CQ2022/2	22CTT2B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N2	T4	1-2.5	LT-PMD203	25	1	NTDMinh	
13	CQ2022/2	22CTT2C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N3	T6	1-2.5	LT-PMD203	27	1	Lê Tuấn Thu	
14	CQ2022/2	22CTT2A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Phạm Thế Nhân	30	N1	T5	1-2.5	LT-PMD204	28	1	PTNNhân	
15	CQ2022/2	22CTT2B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Phạm Thế Nhân	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMD204	25	1	PTNNhân	
16	CQ2022/2	22CTT2C	MTH00050	Toán học tổ hợp	Phạm Thế Nhân	30	N3	T6	3.5-5	LT-PMD204	27	1	NCDăng	
17	CQ2022/3	22CTT3A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMD203	34	1	PTPUyen	
18	CQ2022/3	22CTT3B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMD203	31	1	PTPUyen	
19	CQ2022/3	22CTT3C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N3	T4	6-7.5	LT-PMD203	30	1	Lê Thanh Phong	
20	CQ2022/3	22CTT3A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMD204	34	1	NCDăng	

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.
Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
21	CQ2022/3	22CTT3B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMD204	31	1	NCDăng	
22	CQ2022/3	22CTT3C	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N3	T3	8.5-10	LT-PMD204	30	1	NCDăng	
23	CQ2022/4	22CTT4A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N1	T6	6-7.5	LT-PMD203	26	1	Lê Thanh Phong	
24	CQ2022/4	22CTT4B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMD203	27	1	NTDMinh	
25	CQ2022/4	22CTT4C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N3	T6	8.5-10	LT-PMD203	26	1	Lê Thanh Phong	
26	CQ2022/4	22CTT4A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Phạm Thế Nhân	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMD204	26	1	PTNhan	
27	CQ2022/4	22CTT4B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Phạm Thế Nhân	30	N2	T2	6-7.5	LT-PMD204	27	1	NCDăng	
28	CQ2022/4	22CTT4C	MTH00050	Toán học tổ hợp	Phạm Thế Nhân	30	N3	T5	8.5-10	LT-PMD204	26	1	PTNhan	
29	CQ2022/5	22CTT5A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Duy Đăng	30	N1	T2	1-2.5	LT-PMD203	24	1	NBLong	
30	CQ2022/5	22CTT5B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Duy Đăng	30	N2	T2	3.5-5	LT-PMD203	26	1	NBLong	
31	CQ2022/5	22CTT5C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Duy Đăng	30	N3	T5	1-2.5	LT-PMD203	25	1	NTDMinh	
32	CQ2022/5	22CTT5A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T4	6-7.5	LT-PMD204	24	1	NCDăng	
33	CQ2022/5	22CTT5B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N2	T4	8.5-10	LT-PMD204	26	1	NCDăng	
34	CQ2022/5	22CTT5C	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMD204	25	1	NCDăng	
35	CQ2022/6	22CTT6A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N1	T3	3.5-5	LT-PMD203	26	1	BDDăng	
36	CQ2022/6	22CTT6B	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N2	T3	1-2.5	LT-PMD203	26	1	BDDăng	
37	CQ2022/6	22CTT6C	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N3	T4	8.5-10	LT-PMD203	35	1	Lê Thanh Phong	
38	CQ2022/6	22CTT6A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T7	1-2.5	LT-PMD204	26	1	NCDăng	
39	CQ2022/6	22CTT6B	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N2	T7	3.5-5	LT-PMD204	26	1	NCDăng	
40	CQ2022/6	22CTT6C	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N3	T3	6-7.5	LT-PMD204	35	1	NCDăng	
41	CQ2022/7	22CTT7A	CSC10002	Kỹ thuật lập trình		30	N1	T6	6-7.5	LT-PMD204	17	1		1SV CĐ, Hủy

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.
Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
42	CQ2022/7	22CTT7B	CSC10002	Kỹ thuật lập trình		30	N2	T6	8.5-10	LT-PMD204	9	1		Hủy
43	CQ2023/1	23CTT1A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N1	T2	1-2.5	LT-PMC201	21	1	VHoangQuan	
44	CQ2023/1	23CTT1B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N2	T2	3.5-5	LT-PMC201	25	1	VHoangQuan	
45	CQ2023/1	23CTT1C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N3	T2	6-7.5	LT-PMC201	23	1	VHoangQuan	
46	CQ2023/1	23CTT1A	CSC10001	Nhập môn lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N1	T2	3.5-5	LT-PMC202	21	1	TDQuang	
47	CQ2023/1	23CTT1B	CSC10001	Nhập môn lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N2	T2	1-2.5	LT-PMC202	25	1	TDQuang	
48	CQ2023/1	23CTT1C	CSC10001	Nhập môn lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMC202	23	1	TDQuang	
49	CQ2023/2	23CTT2A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N1	T5	3.5-5	LT-PMC201	24	1	NĐLộc	
50	CQ2023/2	23CTT2B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N2	T5	1-2.5	LT-PMC201	23	1	NĐLộc	
51	CQ2023/2	23CTT2C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N3	T5	6-7.5	LT-PMC201	24	1	NĐLộc	
52	CQ2023/2	23CTT2A	CSC10001	Nhập môn lập trình	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N1	T5	1-2.5	LT-PMC202	24	1	TDQuang	
53	CQ2023/2	23CTT2B	CSC10001	Nhập môn lập trình	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N2	T5	3.5-5	LT-PMC202	23	1	TDQuang	
54	CQ2023/2	23CTT2C	CSC10001	Nhập môn lập trình	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N3	T3	1-2.5	LT-PMC202	24	1	NĐLộc	
55	CQ2023/3	23CTT3A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N1	T3	1-2.5	LT-PMC201	25	1	THQuang	
56	CQ2023/3	23CTT3B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMC201	21	1	THQuang	
57	CQ2023/3	23CTT3C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N3	T2	8.5-10	LT-PMC201	25	1	VHoangQuan	
58	CQ2023/3	23CTT3A	CSC10001	Nhập môn lập trình	Bùi Duy Đăng	30	N1	T5	6-7.5	LT-PMC202	25	1	TDQuang	
59	CQ2023/3	23CTT3B	CSC10001	Nhập môn lập trình	Bùi Duy Đăng	30	N2	T5	8.5-10	LT-PMC202	21	1	TDQuang	
60	CQ2023/3	23CTT3C	CSC10001	Nhập môn lập trình	Bùi Duy Đăng	30	N3	T2	6-7.5	LT-PMC202	25	1	TDQuang	

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024. Thời gian học khóa 2023 và 2021: từ ngày 02/10/2023 đến ngày 31/12/2023.
Trong đó, Khóa 2022 tuần 16/10/2023 và tuần 27/11/2023 thực hành HT2. Khóa 2021 và 2023 tuần 02/10/2023 và tuần 13/11/2023 thực hành HT2; các tuần khác thực hành HT1 theo lịch.
Thi cuối kỳ TH: Khóa 2022 tuần 08/01/2024. Khóa 2021 và 2023 tuần 25/12/2023

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g35 - 11g40
3	6 - 7.5	12g30 - 14g35
4	8.5 - 10	14g35 - 16g40

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
61	CQ2023/4	23CTT4A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N1	T6	1-2.5	LT-PMC201	24	1	Lê Nguyễn Tường Nhi	
62	CQ2023/4	23CTT4B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N2	T6	3.5-5	LT-PMC201	23	1	Lê Nguyễn Tường Nhi	
63	CQ2023/4	23CTT4C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N3	T6	6-7.5	LT-PMC201	25	1	Lê Nguyễn Tường Nhi	
64	CQ2023/4	23CTT4A	CSC10001	Nhập môn lập trình	Lê Thanh Tùng	30	N1	T6	3.5-5	LT-PMC202	24	1	NTDMinh	
65	CQ2023/4	23CTT4B	CSC10001	Nhập môn lập trình	Lê Thanh Tùng	30	N2	T6	6-7.5	LT-PMC202	23	1	NTDMinh	
66	CQ2023/4	23CTT4C	CSC10001	Nhập môn lập trình	Lê Thanh Tùng	30	N3	T6	1-2.5	LT-PMC202	25	1	NTDMinh	
67	CQ2023/5	23CTT5A	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Phạm Trọng Nghĩa	30	N1	T4	8.5-10	LT-PMC201	24	1	THQuang	
68	CQ2023/5	23CTT5B	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Phạm Trọng Nghĩa	30	N2	T5	8.5-10	LT-PMC201	23	1	NDLộc	
69	CQ2023/5	23CTT5C	CSC00004	Nhập môn Công nghệ thông tin	Phạm Trọng Nghĩa	30	N3	T4	6-7.5	LT-PMC201	23	1	THQuang	
70	CQ2023/5	23CTT5A	CSC10001	Nhập môn lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N1	T4	6-7.5	LT-PMC202	24	1	NLHDũng	
71	CQ2023/5	23CTT5B	CSC10001	Nhập môn lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N2	T3	3.5-5	LT-PMC202	23	1	NDLộc	
72	CQ2023/5	23CTT5C	CSC10001	Nhập môn lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N3	T4	8.5-10	LT-PMC202	23	1	NLHDũng	
73	TTNT2022	22TNT1A	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Hoàng Thái	30	N1	T6	3.5-5	LT-PMD203	32	1	Lê Tuấn Thu	
74	TTNT2022	22TNT1A	MTH00050	Toán học tổ hợp	Nguyễn Cao Đăng	30	N1	T6	1-2.5	LT-PMD204	35	1	NCDăng	
75	TTNT2023	23TNT1A	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	Phạm Trọng Nghĩa	30	N1	T3	6-7.5	LT-PMC201	25	1	NBLong	
76	TTNT2023	23TNT1B	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	Phạm Trọng Nghĩa	30	N2	T3	8.5-10	LT-PMC201	28	1	NBLong	
77	TTNT2023	23TNT1A	CSC10001	Nhập môn lập trình	Trương Toàn Thịnh	30	N1	T4	1-2.5	LT-PMC202	25	1	THQuang	
78	TTNT2023	23TNT1B	CSC10001	Nhập môn lập trình	Trương Toàn Thịnh	30	N2	T4	3.5-5	LT-PMC202	28	1	THQuang	

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian học khóa 2022: từ ngày 16/10/2023 đến ngày 07/01/2024

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GV HDTH N7	GHI CHÚ
1	CNTN2022	22TNT1TN	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	30	37	2	ĐHCường	HTBTrần						
2	CQ2021/1	21_1	CSC10007	Hệ điều hành	Vũ Thị Mỹ Hằng	30	54	3	LQHòa	LQHòa	LQHòa					
3	CQ2021/1	21_1	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Nguyễn Trần Minh Thư, Vũ Thị Mỹ Hằng	30	84	5	HTHVy	HTHVy	HTHVy	TGHồng	TGHồng			
4	CQ2021/1	21_1	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tuấn Nguyễn Hoài Đức	30	115	6	TNHDức	TNHDức	TNHDức	TGHồng	TGHồng	TGHồng		2 SV CĐ
5	CQ2021/1	21_1	CSC12109	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	Tiết Gia Hồng, Lê Nguyễn Hoài Nam	30	85	5	TGHồng	LNHNam	LNHNam	TGHồng	VTMHằng			1 SV CĐ
6	CQ2021/1	21_1	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Phạm Minh Tuấn	30	120	7	NNĐKhoa	NNĐKhoa	NNĐKhoa	NNĐKhoa	NĐHuy	NĐHuy	NĐHuy	
7	CQ2021/21	21_21	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Giang Thanh	30	76	4	LHMinh	LHMinh	LGThanh	LGThanh				
8	CQ2021/21	21_21	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	43	2	LHBắc	NBLong						
9	CQ2021/21	21_21	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lê Hoàng Thái	30	21	1	LTPhong							
10	CQ2021/21	21_21	CSC14111	Nhập môn thiết kế và phân tích giải thuật	Nguyễn Thanh Phương	30	16	1	NNThảo							
11	CQ2021/21	21_21	CSC14119	Nhập môn khoa học dữ liệu	Lê Ngọc Thành	30	94	5	LNThành	LNNam	NTTHằng	NTTHằng	TQHuy			
12	CQ2021/21	21_21	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu	Phạm Trọng Nghĩa	30	89	5	PTNghĩa	LNNTường	LNNTường	NBLong	NBLong			
13	CQ2021/22	21_22	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Viết Long	30	80	4	LVLong	LVLong	LVLong	CTLinh				
14	CQ2021/22	21_22	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	99	6	LHBắc	NBLong	NBLong	NTTHằng	NTTHằng	NNĐức		
15	CQ2021/22	21_22	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán	Lê Phúc Lữ	30	26	1	NĐHy							
16	CQ2021/22	21_22	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	Đặng Trần Minh Hậu	30	39	2	NVQHuy	NVQHuy						
17	CQ2021/22	21_22	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đinh Điền, Nguyễn Hồng Bửu Long	30	68	4	LAVinh	LTTung	NHBLong	LAVinh				
18	CQ2021/23	21_23	CSC16001	Đồ họa máy tính	Lý Quốc Ngọc	30	17	1	Vô Thế Hào PTTùng							
19	CQ2021/23	21_23	CSC16005	Xử lý ảnh số và video số	Lý Quốc Ngọc	30	44	2	LQNgọc	NMHùng						
20	CQ2021/3	21_3	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Viết Long	30	77	4	LVLong	LVLong	LVLong	CTLinh				
21	CQ2021/3	21_3	CSC13001	Lập trình Windows	Trần Duy Quang	30	122	7	NLHDũng	NLHDũng	NLHDũng	NNĐKhoa	NNĐKhoa	TDQuang	TDQuang	2SV CĐ
22	CQ2021/3	21_3	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Nguyễn Thị Minh Tuyền	30	96	5	HTThanh	HTThanh	HTThanh	MATuấn	MATuấn			
23	CQ2021/3	21_3	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	Mai Anh Tuấn	30	123	7	MATuấn	MATuấn	MATuấn	ĐNKha	ĐNKha	TDQuang	TDQuang	3SV CĐ
24	CQ2021/3	21_3	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Trương Toàn Thịnh	30	112	6	NLHDũng	NLHDũng	NNĐKhoa	NNĐKhoa	TDThảo	TDThảo		
25	CQ2021/4	21_4	CSC10007	Hệ điều hành	Vũ Thị Mỹ Hằng	30	80	4	LQHòa	LQHòa	LQHòa	LQHòa				
26	CQ2021/4	21_4	CSC11004	Mạng máy tính nâng cao	Lê Ngọc Sơn	30	23	1	NTQuân							
27	CQ2021/4	21_4	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ngô Ngọc Đăng Khoa	30	74	4	TVQuý	TVQuý	PHải	NNĐKhoa				
28	CQ2021/4	21_4	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Bùi Duy Đăng	30	97	5	BĐĐăng	NTDMinh	NTDMinh	TQHuy	TQHuy			
29	CQ2022/2	22CTT2	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	30	78	4	ĐHCường	ĐHCường	NTQuân	NTQuân				
30	CQ2022/3	22CTT3	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	91	5	CTLinh	CTLinh	CTLinh	HTBTrần	HTBTrần			3SV CĐ
31	CQ2022/4	22CTT4	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	79	4	CTLinh	CTLinh	HTBTrần	HTBTrần				3SV CĐ
32	CQ2022/5	22CTT5	CSC10008	Mạng máy tính	Lê Hà Minh	30	80	4	LHMinh	LHMinh	LNSơn	LNSơn				1SV CĐ
33	CQ2022/6	22CTT6	CSC10008	Mạng máy tính	Nguyễn Thanh Quân	30	95	5	NTQuân	NTQuân	NTQuân	LNSơn	LNSơn			
34	TTNT2022	22TNT1	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	30	31	2	ĐHCường	ĐHCường						